TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 245/2025/DS-PT
Ngày: 30-5-2025
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Bình;

2. Ông Hà Chí Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Hùng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Quốc Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DS-ST ngày 25 tháng 02 năm 2025, của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 169/2025/QĐ-PT, ngày 05 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2025/QĐ-PT ngày 23 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn:

1.1. Bà Lưu Ngọc O, sinh năm 1961; cư trú tại: Số H đường L, Khu phố D, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà O: Ông Võ Chí T, sinh năm 1963; cư trú tại: Số C, Phường D, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền ngày 25-12-2023) và anh Võ Duy T1, sinh năm 1987; cư trú tại: Số H đường L, Khu phố D,

phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 19-5-2025); ông T, anh T1 có mặt.

1.2. Bà Lý Ngọc H, sinh năm 1956; cư trú tại: Số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành Phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

1.3. Bà Lưu Ngọc X, sinh năm 1962; cư trú tại: Số C đường P, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Đồng bị đơn:

2.1. Bà Lý Phụng H1, sinh năm 1946; cư trú tại: Số C, lô C - Chung cư N, Phường G, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Bà Hoàng Thị A, sinh năm 1961; cư trú tại: Số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Lý Phùng V, sinh năm 1952; cư trú tại: Số A đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

3.2. Anh Lý Dục B, sinh năm 1995 và chị Đoàn Thị Ngọc G, sinh năm 1997; cư trú tại: Số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; đều có mặt.

Người kháng cáo: Bà Lưu Ngọc O, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 8 năm 2023 của bà Lưu Ngọc O, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc X; đơn khởi kiện bổ sung của bà Lưu Ngọc O và lời khai của người đại diện hợp pháp của bà O, ông Võ Chí T trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích 60,8 m^2 một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 03 (theo BĐĐC VN 2006), tọa lạc tại Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là của bà Lưu Nguyệt H2, sinh năm 1913, chết ngày 01-7-2002. Diện tích đất này bà H2 hưởng thừa kế theo Biên bản họp gia đình năm 1996 nhưng trước đó có cho gia đình ông Lý Bát S (còn có tên Lý Văn B1) ở nhờ từ năm 1933 và cho đến nay phần đất cho gia đình ông S ở nhờ chưa trả lại cho chị em bà H2. Ông S đã chết, đất hiện nay do bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G là con, cháu của ông S (Lý Văn B1) chiếm giữ.

Bà Lưu Nguyệt H2 không có chồng, con, đã chết không để lại di chúc, do đó hàng thừa kế của bà H2 theo quy định của pháp luật, gồm: Bà Lưu Ngọc O, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc X và bà Lý Phùng Vi .

Bà O, bà H, bà X khởi kiện yêu cầu bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G trả lại diện tích 60,8 m^2, một phần thửa số 01, tờ bản

đồ số 03 (theo BĐĐC VN 2006), tọa lạc tại Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn, bà Lý Phụng H1 trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp tại thửa số 01, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh là của cha bà ông Lý Văn B1 để lại, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Bị đơn, bà Hoàng Thị A trình bày: Nguồn gốc phần đất tại thửa số 01, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có từ năm 1937, của ông nội chồng bà, đến cha chồng bà tên Lý Văn B1 và sau đó con ông B1 tên Lý Phụng H1, bà và con bà là Lý Dục B sinh sống trên phần đất này gần 100 năm, có xác nhận địa phương, và được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng nhà ở trên phần đất này, do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Lý Dục B và chị Đoàn Thị Ngọc G trình bày: Anh, chị thống nhất lời trình bày và ý kiến của bà A, bà H1, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DS-ST, ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Căn cứ Điều 166, 167 của Bộ luật Dân sự; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X và bà Lý Ngọc H về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

Ngày 06-3-2025, bà Lưu Ngọc O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu câu khởi kiện của nguyên đơn; yêu cầu công nhận quyền thừa kế hợp pháp, QSDĐ diện tích 60,8 m^2 tại số B đường C và yêu cầu bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G di dời ra khỏi phần đất này và trả đất lại cho gia đình bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bà O, anh T1 trình bày: Bà O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đối với tờ khai nguồn gốc đất của cụ Lý Văn B1 ngày 21-3-2007 chỉ có khu phố xác nhận là không đảm bảo về pháp lý; tờ khai nộp thuế sử dụng đất năm 2001 của cụ B1, nội dung xác nhận của UBND phường không đúng thực tế, không ghi rõ thời gian xác nhận; đối với giấy phép xây dựng là vi phạm về thủ tục hành chính, vì đất chưa được cấp GCN QSDĐ nên vô hiệu; đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận các văn bản này.

Ông T thống nhất với trình bày của anh T1, không bổ sung thêm.

Bà A thống nhất với bản án sơ thẩm; không đồng ý kháng cáo của bà O;

Anh B không đồng ý với tranh luận của anh T1 về yêu cầu Hội đồng xét xử không công nhận các văn bản về tờ khai nguồn gốc đất của cụ B1 và tờ khai nộp thuế sử dụng đất năm 2001 của cụ B1. Anh đồng ý với bản án sơ thẩm.

Chị G thống nhất với ý kiến của anh B, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà O; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lưu Ngọc O kháng cáo theo đúng trình tự và hợp pháp, trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O và bà Lưu Ngọc X khởi kiện yêu cầu bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G di dời tài sản trả lại diện tích 60,8 m^2, một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh có nguồn gốc của cụ Lưu Nguyệt H2 chết để lại; đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà O, bà H1, bà X thấy rằng:

[3.1] Theo kết quả đo đạc diện tích tranh chấp 60,8 m^2 (trong đó diện tích QH lộ giới 16,8 m^2; diện tích còn lại 44 m^2), một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03 (theo BĐĐC VN 2000), tọa lạc tại Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có nguồn gốc của ky Lưu Tường T2 cho con là cụ Lưu Nguyệt H2 theo *"Tờ chia cho đức gia tài"* ngày 02-01-1940, được Xã T, tổng Hòa Ninh, tỉnh Tây Ninh ký xác nhận cùng ngày. Cụ Lưu Nguyệt H2, sinh năm 1913, không có chồng, con, chết ngày 01-7-2002; cha mẹ, anh, chị em cụ Nguyệt H2 không ai còn sống; bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X cháu gọi cụ Nguyệt H2 bằng dì, là hàng thừa kế duy nhất theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự. Sau khi được chia nhà, đất; cụ Nguyệt H2 có cho cụ Lý Văn B1 (còn

có tên Lý Bát S) ở nhờ nhà đất đang tranh chấp; sau khi cụ B1 chết, bà Lý Phụng H1 là con gái và bà Hoàng Thị A là con dâu cụ B1 tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này.

[3.2] Tại *"Biên bản cuộc họp của Hội đồng gia tộc về việc đất hương quả của bà Lưu Nguyệt H2"* ngày 08-12-1996, có mặt cụ Lưu Nguyệt H2 (là chủ 03 căn nhà số A, 178, 180), bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X, bà Triêu Mỹ K (là người mua đất), ông Lý Bát S1 (còn có tên Lý Văn B1, là người ở nhờ nhà đất). Tại biên bản cuộc họp này cụ H2 trình bày: *"Bà là người thừa hưởng đất hương quả của gia tộc do cha bà là ông Lưu T3 chết để lại gồm 3 căn nhà số A, 178, 180, trong 3 căn nhà cất trên phần đất hương quả bà H2…có cho ông Lý Bát S ở nhờ 1 căn nhà số A…bà H2 đồng ý bán 3 căn nhà số A, 178, 180 cất trên phần đất hương quả của cha bà để lại cho bà K với giá 13 lượng vàng 24k, bà K cũng đồng ý mua 3 căn nhà số A, 178, 180 cất trên phần đất trên với giá 13 lượng vàng 24k nhưng bà H2 phải làm giấy tờ sang tên cho chị K. Hiện nay ông Lý Bát S đang ở nhờ căn nhà số A của bà H2. Khi bà H2 bán nhà cho chị K thì ông Lý Bát S phải có trách nhiệm dọn nhà đi nơi khác để trả lại nhà đất cho chị K. Chị K thỏa thuận với ông Lý Bát S và đồng ý cho ông Lý Bát S 10 chỉ vàng 24k để ông Lý Bát Siu D nhà đi nơi khác. Ý kiến ông Lý Bát S: đồng ý trả lại căn nhà số A cho bà H2 để bà H2 bán cho chị K và ông S cũng đồng ý nhận 10 chỉ vàng 24k để làm chi phí dọn nhà đi"*; biên bản cuộc họp này những người có mặt ký tên, ghi họ tên đầy đủ, trong đó có cụ Lý Bát Siu .1 Như vậy, có căn cứ xác định diện tích đất tranh chấp 60,8 m^2, một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03 (theo BĐĐC VN 2000), tọa lạc tại Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, có nguồn gốc của kỵ Lưu Tường T2 cho con là cụ Lưu Nguyệt H2, cụ Lưu Hằng M theo *"Tờ chia cho đức gia tài"* ngày 02-01-1940.

[3.3] Tại tờ tường trình về nguồn gốc đất của cụ Lý Văn B1 ngày 21-3-2007 cho rằng: *"từ năm 1937 bác ruột thứ hai của tôi tên là Lý Quảng S2 tại đây và cho đến năm 1956 bác tôi chết, tôi là người tiếp tục ở từ năm 1956 cho đến ngày hôm nay. Qua nhiều năm sinh sống tại đây, không có một sự tranh chấp nào cả. Tôi thực hiện nghĩa vụ thuế nhà đất hàng năm cho nhà nước khi có luật thuế"* là mâu thuẫn với ý kiến của cụ B1 trình bày tại *"Biên bản cuộc họp của Hội đồng gia tộc về việc đất hương quả của bà Lưu Nguyệt H2"* ngày 08-12-1996 là "*…đồng ý trả lại căn nhà số A cho bà H2 để bà H2 bán cho chị K*". Do đó, tờ tường trình về nguồn gốc đất của cụ B1 ngày 21-3-2007 là không có cơ sở, không đúng với thực tế. Tại phiên tòa, bà A khai diện tích đất tranh chấp, cụ B1 mua của cụ Lưu Hằng M năm 1937 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, trong khi diện tích đất này của kỵ Lưu Tường T2 cho con theo *"Tờ chia cho đức gia tài"* ngày 02-01-1940, nên không có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chưa xem xét đầy đủ, toàn diện những chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án

làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn. Với những chứng cứ và nhận định trên, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà O, sửa bản án sơ thẩm; buộc bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A trả lại diện tích đất tranh chấp 60,8 m^2 (trong đó diện tích QH lộ giới 16,8 m^2; diện tích còn lại 44 m^2), một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh cho bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X. Đất có tứ cận: Đông giáp thửa số 266, dài 22 m; Tây giáp thửa số 275, dài 21,89 m; Nam giáp thửa số 01 còn lại, dài 2,96 m; Bắc giáp đường nhựa (đường C), dài 2,78 m.

[4] Năm 2008 bà Lý Phụng H1 là con gái cụ Lý Văn B1 xây căn nhà cấp 3 trên phần đất tranh chấp. Theo biên bản định giá tài sản ngày 02-7-2024 của Hội đồng định giá, phần đất tranh chấp có giá 1.668.000.000 đồng (2,78 m x 600.000.000 đồng/m); 01 căn nhà cấp 3 xây năm 2008, có kết cấu: móng, cột, đà bằng bê tông, cốt thép; tường xây, tô, sơn bê; nền gạch men; trần tôn lạnh; mái lợp tôn có đóng trần; khu vệ sinh trong nhà; có 01 gác bằng gỗ, sàn bằng gỗ, cầu thang bằng gỗ; cửa đi bằng sắt + kính. Nhà xây, sàn gỗ trị giá 128.449.700 đồng (nhà xây trị giá 103.916.000 đồng; sàn gỗ trị giá 24.533.700 đồng) và tại *"Biên bản cuộc họp của Hội đồng gia tộc về việc đất hương quả của bà Lưu Nguyệt H2"* ngày 08-12-1996 có thỏa thuận, khi cụ B1 trả lại nhà đất thì được hỗ trợ 10 chỉ vàng 24k để làm chi phí dọn nhà. Do đó, buộc bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên phần đất tranh chấp số tiền 128.449.700 đồng và số tiền 118.000.000 đồng, tương đương giá trị 10 chỉ vàng 24k (tại thời điểm xét xử) để chi phí di dời tài sản theo thỏa thuận. Bà V, bà H, bà O, bà X được quyền quản lý, sử dụng 01 căn nhà cấp 3 xây năm 2008, có kết cấu, đặc điểm như đã nêu ở phần trên.

[5] Bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G được quyền lưu cư tại nhà, đất tranh chấp số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án. Hết thời hạn 06 tháng kể từ ngày tuyên án, bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G trả lại nhà, đất cho bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà O không được chấp nhận.

[7] Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền tổng cộng 15.000.000 đồng, nguyên đơn đã nộp và thanh toán xong; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của bà O được chấp nhận, nên bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn số tiền này.

[8] Về án phí: Bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X, bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A là người cao tuổi có đơn xin miễn tiền án phí, nên được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 166; điểm c khoản 1 Điều 651 của Bộ luật Dân sự; Điều 136, khoản 6 Điều 137 của Luật Đất đai năm 2024; Điều 147, 148, 157, 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Lưu Ngọc O; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2025/DS-ST, ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Toà án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2. Chấp nhận khởi kiện của bà Lưu Ngọc O, bà Lý Ngọc H và bà Lưu Ngọc X, về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bà Lý Phụng H1 và bà Hoàng Thị A.

Buộc bà Lý Phụng H1 và bà Hoàng Thị A trả cho bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03, diện tích 60,8 m^2 (trong đó diện tích QH lộ giới 16,8 m^2; diện tích còn lại 44 m^2), tọa lạc tại Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có tứ cận: Đông giáp thửa số 266, dài 22 m; Tây giáp thửa số 275, dài 21,89 m; Nam giáp thửa số 01 còn lại, dài 2,96 m; Bắc giáp đường nhựa (đường C), dài 2,78 m và tài sản gắn liền đất là 01 (một) căn nhà cấp 3 xây năm 2008, có kết cấu: móng, cột, đà bằng bê tông, cốt thép; tường xây, tô, sơn bê; nền gạch men; trần tôn lạnh; mái lợp tôn có đóng trần; khu vệ sinh trong nhà; 01 gác bằng gỗ, sàn bằng gỗ, cầu thang bằng gỗ; cửa đi bằng sắt + kính *(có Sơ đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 26-02-2024 của Công ty TNHH Đ, được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh thành phố T xác nhận ngày 08-4-2024 kèm theo bản án này).*

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai cho bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X một phần thửa đất số 01, tờ bản đồ số 03, diện tích 60,8 m^2 (trong đó diện tích QH lộ giới 16,8 m^2; diện tích còn lại 44 m^2), tọa lạc tại Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh theo quyết định của bản án này.

3. Bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G được quyền lưu cư tại nhà, đất tranh chấp số B đường C, Khu phố A, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Hết

thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày tuyên án, bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G trả lại nhà, đất cho bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X.

4. Bà Lý Phùng V, bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản trên đất và chi phí di dời tài sản cho bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A, anh Lý Dục B, chị Đoàn Thị Ngọc G số tiền 246.449.700 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu, bốn trăm bốn mươi chín nghìn, bảy trăm đồng).

5. Về chi phí tố tụng: Bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A có nghĩa vụ trả lại cho bà Lý Ngọc H, bà Lưu Ngọc O, bà Lưu Ngọc X số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền phải thi hành án, thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi của số tiền chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về án phí: Bà Lưu Ngọc O, bà Lý Ngọc H và bà Lưu Ngọc X, bà Lý Phụng H1, bà Hoàng Thị A được miễn tiền án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần Quốc Vũ